

# CHÂU MỸ ĐỨNG ĐẦU TRONG CÁC KHU VỰC VỀ VỐN CON NGƯỜI

Trịnh Trọng Nghĩa

Các chuyên gia dân số Liên hiệp quốc cho biết, dân số thế giới đang tăng lên tỷ lệ thuận với thời gian, nhất là từ thế kỷ XX tới nay, tỷ lệ gia tăng ấy mỗi ngày một cao làm cho mật độ dân số trên trái đất ngày càng dày đặc hơn. Ví dụ, nếu vào năm 1800 thế giới chỉ có 1 tỷ người, thì vào năm 1930 là 2 tỷ, năm 1960 - 3 tỷ, năm 1974 - 4 tỷ, năm 1987 là 5 tỷ, và năm 1999 - 6 tỷ người.

Còn Hội nghị quốc tế về dân số, môi trường và sức khỏe diễn ra tại Pháp vào hạ tuần tháng 8 năm 2004 với sự tham gia của hai nghìn nhà khoa học hàng đầu thế giới, cho biết, đến giữa năm 2005 thế giới có khoảng 6,477 tỷ người và sẽ đón công dân thứ 6,5 tỷ vào tháng 12/2005.

Hiện nay, sáu nước đông dân nhất thế giới là Trung Quốc, Ấn Độ, Mỹ, Indonesia, Brazil và Pakistan chiếm trên 1/2 dân số toàn cầu với 3,3 tỷ người. Ước tính cứ 100 người sống trên trái đất, thì châu Á có 61 người, châu Phi có 14 người, châu Âu có 11 người, Mỹ Latinh 9 người, Bắc Mỹ 5 người, châu Đại dương chưa đến 1 người.

Các chuyên gia dân số Liên hiệp quốc cho rằng, với đà tăng dân số như hiện nay, thì tới năm 2050 dân số thế giới có thể lên tới 9 hoặc 10 tỷ người.

Trên đây có thể là những con số bấy lâu nay đã làm đau đầu các nhà kinh tế học và xã hội học hàng đầu

thế giới về vấn đề làm gì và làm thế nào để quả đất này có thể nuôi được số người ngày càng tăng cao như vậy, trong khi chưa tìm ra được một hành tinh nào của mặt trời hay vệ tinh nào của quả đất có sự sống để chia bớt dân số trái đất lên đó làm chỗ sinh tồn.

Có lẽ vì vậy mà mới đây các chuyên gia kinh tế ngân hàng thế giới đã sưu tầm, thu thập các thông tin cần thiết về tình hình và trữ lượng tài sản quốc gia của các nước và các khu vực nhằm đánh giá khả năng và triển vọng phát triển kinh tế thế giới ở thế kỷ XXI. Tài sản quốc gia ở đây được chia làm ba loại: vốn con người, vốn sản xuất và vốn tài nguyên.

- Vốn con người được tạo nên nhờ 7 loại quỹ sau: Quỹ giáo dục; Quỹ đào tạo và đào tạo lại; Quỹ khoa học, kể cả lĩnh vực nghiên cứu và phát triển; Quỹ đổi mới, bao gồm khuyến khích đổi mới công nghệ, đổi mới tổ chức sản xuất kinh doanh, mẫu mã sản phẩm; Quỹ y tế, kể cả bảo vệ sức khỏe, bảo vệ môi trường, thể dục thể thao; Quỹ cơ động; Quỹ văn hóa.

- Vốn sản xuất gồm tài sản cố định, vốn lưu động và tài sản phục vụ sinh hoạt gia đình.

- Vốn tài nguyên gồm tất cả các sản vật trên mặt đất, trong lòng đất, dưới mặt nước mà thiên nhiên ban tặng cho mỗi quốc gia.

Ba loại tài sản này, theo các chuyên gia Ngân hàng thế giới (WB),

là những tiền đề không thể thiếu, rất cần cho mỗi quốc gia tồn tại và phát triển. Sau đây là Bảng 1 thể hiện cơ cấu tài sản quốc gia trên đầu người ở

các khu vực trong thời gian vừa qua theo cách đánh giá, phân loại, xếp hạng của các chuyên gia Ngân hàng Thế giới (WB).

**Bảng 1: Cơ cấu tài sản quốc gia trên đầu người ở các khu vực.**

*Đơn vị tính: nghìn USD*

Tên khu vực	Vốn con người	Vốn sản xuất	Vốn tài nguyên	Tổng cộng
<b>Châu Mỹ</b>	<b>360</b>	<b>96</b>	<b>28</b>	<b>484</b>
- Bắc Mỹ	249	62	16	327
- Trung Mỹ	41	8	3	52
- Nam Mỹ	70	26	9	105
<b>Các nước OECD khu vực Thái Bình dương</b>	<b>205</b>	<b>90</b>	<b>8</b>	<b>302</b>
<b>Tây Âu</b>	<b>177</b>	<b>55</b>	<b>6</b>	<b>237</b>
<b>Châu Á</b>	<b>115</b>	<b>38</b>	<b>66</b>	<b>219</b>
- Cận Đông	65	27	58	150
- Đông Á	36	7	4	47
- Nam Á	14	4	4	22
<b>Châu Phi</b>	<b>58</b>	<b>21</b>	<b>6</b>	<b>85</b>
- Bắc Phi	38	14	3	55
- Đông và Nam Phi	20	7	3	30

Bảng 1 cho thấy, châu Mỹ đứng đầu thế giới về vốn con người, vốn sản xuất tính trên đầu người, đứng thế hai thế giới sau châu Á về vốn tài nguyên/người. Có lẽ tiềm năng vốn con người và vốn sản xuất của khu vực Mỹ Latinh lớn như vậy đã làm cho Hoa Kỳ bấy lâu nay thêm muốn được khai thác, bóc lột cho nên từ lâu Hoa Kỳ vẫn hết lòng cố vũ cho việc thành lập thị trường chung toàn châu Mỹ, để nó có nhiều cơ hội xâm nhập vào thị trường các nước khu vực Mỹ La tinh, kiếm nhiều lợi nhuận. Các chuyên gia WB cho biết, trên thế giới trong thời gian qua, phần lớn chi phí tiêu dùng (ăn mặc ở, học tập, bảo vệ sức khỏe, vui chơi giải trí) của nhà nước và hộ gia đình đều nhằm phục vụ sự nghiệp đào tạo và phát triển vốn con người vì nếu có được và biết khai thác loại vốn này trong nền kinh tế tri thức thì sẽ có tất cả.

Vốn con người chiếm tỷ trọng cao nhất trong tổng tài sản quốc gia vào năm 1994 là ở khu vực Bắc Mỹ (76%), thấp nhất ở khu vực Viễn Đông (46%). Tiện đây xin nói thêm rằng, tài sản quốc gia của Nga vào giữa thập niên 90 của thế kỷ XX vào khoảng 400.000 USD/người, trong đó, vốn con người khoảng 200.000 USD, vốn sản xuất 40.000 USD và vốn tài nguyên khoảng 160.000 USD/người.

Hiện nay, trong nền kinh tế tri thức, bên cạnh vốn con người đã xuất hiện khái niệm vốn trí tuệ (*intellectual capital*). Vốn này gồm hai phần cơ bản, đó là vốn con người và vốn cơ cấu. Vốn con người gồm toàn bộ tri thức, kỹ năng, khả năng sáng tạo trong nghề nghiệp của người lao động, là đạo đức nghề nghiệp và thẩm mỹ văn hóa của mỗi người. Vốn con người là nguồn gốc sản sinh vốn trí tuệ. Vốn

cơ cấu gồm khả năng kỹ thuật, công nghệ phần mềm của hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, phát minh sáng chế, và thương hiệu thuộc bản quyền của doanh nghiệp. Khác với vốn con người, vốn cơ cấu là tài sản thuộc sở hữu của doanh nghiệp.

Vốn trí tuệ là tài sản vô hình của doanh nghiệp, được đo bằng chênh lệch giữa giá trị vốn trên thị trường và giá trị vốn trong bảng tổng kết tài sản của doanh nghiệp. Ví dụ, năm 1995 giá trị vốn trong bảng tổng kết tài sản của công ty Lotus Development là 250 triệu USD, nhưng IBM đã mua lại công ty này với giá thị trường là 3,5 tỷ USD. Đây là tài sản vô hình mà IBM đã mua được của Lotus Development, góp phần làm cho thị giá cổ phiếu của IBM tăng lên, nhưng vẫn thua thị giá cổ phiếu của công ty Microsoft. Chẳng hạn, năm 1996 nếu tương quan giữa vốn tư bản hóa (vốn cổ phiếu nhân với thị giá cổ phiếu hay còn gọi là giá trị thị trường của vốn) và vốn hiện vật còn lại trong bảng tổng kết tài sản của IBM là 4/3, thì của Microsoft là 91/9, nghĩa là thị giá cổ phiếu của Microsoft cao hơn nhiều thị giá cổ phiếu của IBM trong năm này. Ở đây vốn trí tuệ của Microsoft cao trên 21 lần, làm cho cổ phiếu của Microsoft trên thị trường chứng khoán thu hút được nhiều nhà đầu tư.

Ngày nay doanh nghiệp nào hoạt động kinh doanh theo hướng phát triển công nghệ cao, thì vốn trí tuệ của doanh nghiệp ấy càng lớn. Vốn trí tuệ không đơn thuần là tổng cộng vốn con người hiện có ở doanh nghiệp, mà là hệ quả tích hợp sáng tạo qua lại của các lao động hiện diện ở doanh nghiệp trong quá trình đổi mới của nền kinh tế mới. Nền kinh tế này, theo K. Khennig, gắn chặt với cách

mạng thông tin, ở đây tương quan giữa vốn hữu hình (vốn hiện vật) và vốn vô hình (vốn con người) bị thay đổi nhiều. Nhưng vốn con người là yếu tố quyết định, vì không có nó thì vốn sản xuất và vốn tài nguyên nhiều đến đâu chẳng nữa, cũng không thể biến thành sản phẩm hàng hoá phục vụ phát triển kinh tế xã hội.

Trong nền kinh tế hậu công nghiệp, nền kinh tế tri thức, hiệu quả sản xuất không chỉ được đo bằng số lượng sản phẩm làm ra trên đơn vị thời gian, mà còn được đo bằng chất lượng và hàm lượng trí tuệ trong mỗi sản phẩm. Sản phẩm nào có hàm lượng trí tuệ hay hàm lượng khoa học càng cao, thì giá trị và giá trị sử dụng càng lớn. Ví dụ, các chuyên gia kinh tế tính rằng, hàm lượng vật tư trong bộ vi xử lý của computer không quá 2%, còn lại 98% là hàm lượng trí tuệ được tích hợp lại mà thành. Còn trong cơ cấu của máy bay hiện đại thì hàm lượng khoa học, hàm lượng trí tuệ lớn hơn nhiều lần trong cơ cấu vật tư của động cơ hơi nước.

Ở đây, giá trị của hàng hoá và dịch vụ được coi là tiêu biểu cho mật độ trí tuệ hay mật độ khoa học trên đơn vị sản phẩm, nếu các điều kiện khác như nhau, sản phẩm nào có giá cao hơn thì sản phẩm ấy có chất lượng và hàm lượng trí tuệ cao hơn. Đối với những mặt hàng có hàm lượng trí tuệ cao, đi đôi với tăng giá trị, là tăng lợi nhuận thu được khi tiêu thụ sản phẩm này. Ví dụ, các chuyên gia kinh tế tính rằng, nếu bán 1 tấn dầu thô hiện nay chỉ có thể thu được khoảng 20 đến 25 USD lợi nhuận, nhưng bán 1kg sản phẩm hàm lượng trí tuệ cao trong ngành tin học thì có thể thu được 5.000 USD lợi nhuận. Do vậy, bấy lâu nay các nước đua nhau đầu tư vào giáo dục, ươm mầm non trí tuệ, phát triển vốn con người.

**Bảng 2: Đầu tư cho quá trình giáo dục cao học ở một số nước phát triển trong năm 2000 (% so với GDP).**

Tên nước	Phần của nhà nước	Phần của tư doanh	Tổng số
Mỹ	4,8	2,2	7,0
Pháp	5,7	0,3	6,0
Áo	4,6	1,3	5,9
Đức	4,2	1,1	5,3
Anh	4,5	0,6	5,1
Nhật Bản	3,6	1,2	4,8

Nhìn chung, ở các nền kinh tế phát triển và một số nền kinh tế chuyển đổi, lớp người ở độ tuổi 25-34 được tiếp cận giáo dục cao học nhiều hơn lớp người ở độ tuổi 55-64, nhiều nhất là ở Tây Ban Nha 4,6 lần; ở Nhật trên 3 lần, ở Ireland 2,6 lần; ở Phần Lan và Canada gần 2 lần (xem Bảng 3). Đặc biệt, một số nước đang phát triển ở châu Á vào cuối thế kỷ XX cũng quan tâm nhiều đến phát triển vốn con người trong các kế hoạch chống nghèo nàn lạc hậu, nhờ vậy mà trong thời gian 1975-1995, ở Trung Quốc, Ấn

Độ, Hàn Quốc, Đài Loan, Singapore,... số chuyên gia trong lĩnh vực khoa học tự nhiên tăng 2 lần, trong lĩnh vực khoa học công nghệ tăng 3 lần. Trong những năm gần đây, hệ cao học được mở rộng ở nhiều nền kinh tế khu vực này. Chẳng hạn, ở Trung Quốc trong thời gian 1998-2001 số sinh viên đã lên tới trên 12,1 triệu người, có trên 300 lớp học trực tuyến qua mạng Internet ở 31 tỉnh thành với trên 400 nghìn học viên nhằm nâng cao tri thức của mình.

**Bảng 3: Tỷ lệ giữa các nhóm người được tiếp cận giáo dục trung học và cao học ở một số nước trong thời gian qua**

Tên nước	Trung học		Cao học	
	Lứa tuổi		Lứa tuổi	
	25-34	55-64	25-34	55-64
Canada	87	62	47	28
Nhật	93	60	45	14
Mỹ	88	81	38	28
Phần Lan	86	46	38	20
Tây Ban Nha	55	13	33	9
Thụy Điển	87	61	32	22
Pháp	76	42	31	12
Áo	65	44	29	17
Anh	66	53	27	19
Đức	85	73	22	20
Hungari	80	36	14	11
Ba Lan	62	37	12	10
CH.Séc	93	75	11	9

Nguồn: 1) Thế giới sẽ đón công dân thứ 6,5 tỷ vào tháng 12/2005. (Tin kinh tế thế giới và Việt Nam số 193/2005).

2) Công nghệ đổi mới và tiềm năng con người. (Tạp chí Quản lý ở nước ngoài số 1/2005).